

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cương
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Hữu Phúc
Ông Hồ Ngọc Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bảo Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Dương Thị G, sinh năm 1983.

2. **Bị đơn:** Nguyễn Văn S, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Giàu có m; ông S vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Dương Thị G trình bày:

Vào năm 2001, bà Dương Thị G và ông Nguyễn Văn S quen biết rồi yêu thương nhau và quyết định sống chung như vợ chồng. Đến ngày 2007, bà G và ông S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống, bà G và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 19/3/2009 và Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 13/3/2014. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau này vào khoảng đầu năm 2020, bà G và ông S xảy ra

hiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông S thường đánh chửi bà. Nhận thấy tình cảm đã không còn nên bà G yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà Dương Thị G yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Bà Dương Thị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 19/3/2009 và Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 13/3/2014, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đối với ông Nguyễn Văn S là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông S đều vắng mặt không lý do, nên không thu thập được ý kiến của ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Nguyễn Văn S, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Bà Dương Thị G và ông Nguyễn Văn S có đăng ký kết hôn. Nay bà G yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp xác định bà G và ông S kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại xã UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống, bà G và ông S phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông S hay chửi đánh bà. Hiện tại ông bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Từ khi ông S và bà G không còn sống chung với nhau thì cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 19/3/2009 và cháu Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 13/3/2014 được bà G chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến nay. Bà G cũng có đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và các con cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của các con nên Hội đồng xét xử nhận thấy giao các con chung cho bà G được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3.] Về cấp dưỡng: Bà G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị G cho bà Dương Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Văn S (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 26, Quyển số 01 ngày 03 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp).

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 19/3/2009 và Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 13/3/2014 cho bà Dương Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Nguyễn Văn S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Dương Thị G không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số 0001863 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Bà G1 đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Văn S không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Bà Dương Thị Giàu có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Tam Nông;
- CC THADS huyện Tam Nông;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Phú Thành B;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Cương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA